

PHỤ LỤC BÁO CÁO THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /01/2025 của UBND xã Ba Vi)

STT	Nội dung	ĐVT	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kết quả năm 2024	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	6,0	5	6,0	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản	1	1	1			
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản		-				
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc		-				
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ		-				
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	triệu đồng		-				
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng		-				
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (10% tiết kiệm đầu năm và tiết kiệm, cắt giảm thêm 5% trong năm)	triệu đồng	226,0	226,0	328,0	100%	145%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		5,00	6,00	6,00	120%	100%	
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	1,00	1,00	1,00	100%	100%	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng			-			
	- Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	-		-			
	- Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng			-			
	- Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng			-			
	- Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	2,00	2,00	2,00	100%	100%	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	1,00	1,00	1,00	100%	100%	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng			-			
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	1,000	2,000	2,00	200%	100%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng		-				
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng		-				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		-				
	- Thương thảo hợp đồng	triệu đồng		-				
	- Các nội dung khác	triệu đồng		-				
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng		-				
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng		-				
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		-				
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		-				
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		-				
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc		-				
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		-				
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng		-				
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản		-				
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản		-				
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng		-				
3	Các nội dung khác							

IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng						-			
1	Trong đầu tư xây dựng						-			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án					-			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng					-			
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng					-			
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng					-			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng					-			
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng					-			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng					-			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án					-			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ						-			
	<i>Số lượng</i>	dự án					-			
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng					-			
2	Trụ sở làm việc						-			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²					-			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²					-			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²					-			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²					-			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²					-			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng					-			
3	Nhà công vụ						-			
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²					-			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²					-			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²					-			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²					-			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²					-			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng					-			
4	Các nội dung khác						-			
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên						-			
1	Quản lý, sử dụng đất						-			
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²					-			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²					-			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					-			
1.4	Các nội dung khác						-			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác						-			
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ					-			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					-			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được						-			
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án					-			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng					-			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt						-			
4	Các nội dung khác						-			
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà						-			
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ					-			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					-			
3	Các nội dung khác						-			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp						-			
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh						-			
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng					-			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng						-			
	- <i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h					-			
	- <i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)					-			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng					-			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng					-			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (theo Nghị quyết 01 ngày 03/01/2012 của Chính phủ)	triệu đồng					-			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng					-			
2	Quản lý đầu tư xây dựng						-			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án					-			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án					-			
	<i>Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:</i>	triệu đồng					-			
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng					-			
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng					-			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng					-			
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng					-			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn						-			
	- <i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án					-			

	- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn						
5	Tổng giá trị tiền và tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

BÁO CÁO THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /01/2025 của UBND xã Ba Vì)

Stt	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
Tổng cộng (A+B+C)		100
A	Một số chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên	60
1	Chi sách, báo, tạp chí	8
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	8
3	Chi sử dụng điện	8
4	Chi xăng, dầu	8
5	Chi sử dụng nước	8
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	8
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	8
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	4
B.	Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	40
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	15
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	30
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	40
C.	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên	
1	Có khoản chi bị Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5

Điểm tự đánh giá
100
60
8
8
8
8
8
8
8
4
40
40
0
0
0